

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 04 - 03 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bảo Long
Ông Hoàng Văn Luân

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Mạnh Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên
Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên dự khuyết.

Ngày 04/03/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 24/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 18/02/2022 đối với bị cáo:

- Lê Công Đ, sinh năm 1992, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái: Không; số CCCD 0020****350; con ông: Lê Thành N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Vợ: đã ly hôn; Con: có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:
+ Anh Vương Tiến H, sinh năm 1994; trú tại: Tổ 5, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.
+ Anh Lù Tiến Đ, sinh năm 1999; trú tại: Tổ 5, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Anh Vương Hữu D, sinh năm 1998; trú tại: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; trú tại: Thôn Th, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Công Đ là người đang làm thuê thi công lắp đường dây điện cho anh Phạm Văn Th tại Thủy điện N thuộc thôn X, xã T, huyện Q. Ngày 30/10/2021 do trời mưa không đi làm được nên khoảng 15 giờ cùng ngày Đ nảy sinh ý định Trộm cắp tài sản là 01 máy phát điện và một đoạn dây cáp điện của anh Phạm Văn Th đang để ở lán công nhân thi công thủy điện. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Đ gọi điện thoại cho Vương Tiến H sinh năm 1994, trú tại tổ 5, thị trấn Y, huyện Q là bạn của Đ với mục đích thuê H chở máy phát điện và dây cáp điện nói trên về nhà của Đ ở xã B, huyện Q cất với số tiền công hai bên thỏa thuận là 2.000.000 đồng; H đồng ý và rủ thêm Lù Tiến Đ, sinh năm 1999 trú tại Tổ 5, thị trấn Y và Vương Hữu D, sinh năm 1998 trú tại Tổ 4, thị trấn Y, huyện Q cùng đi. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày H, Đ và D đi đến lán công trường của thủy điện N ở xã T nơi anh Th để máy phát điện và dây cáp điện, sau đó Đ lấy trộm 01 máy phát điện nhãn hiệu IZAWA FUJIKI buộc lên xe máy của Vương Hữu D, 01 đoạn dây điện dài 7,5m bên trong có 4 lõi nhỏ bằng kim loại màu đồng buộc lên xe máy của Lù Tiến Đ, sau khi buộc xong Vương Hữu D là người chở máy phát điện đi trước, Lù Tiến Đ chở cuộn dây cáp điện đi sau, còn H chở Đ về đến khu vực Đ trọ thì Đ xuống xe và ở lại nhà trọ; D chở máy về đến quán của nhà H thì chuyển máy phát điện sang xe máy của H để H chở về nhà cho Đ. H và Đ mỗi người điều khiển 01 xe máy chở máy phát điện và dây cáp điện đến nhà Đ, khi đến nơi được mẹ của Đ là bà Nguyễn Thị H mở cửa và chỉ chỗ cất tài sản cho Đ. Đến sáng ngày 31/10/2021, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản là 01 máy phát điện và 01 đoạn dây cáp điện anh Phạm Văn Th đã đến công an xã T, huyện Q để trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá số 472/KL-HĐĐG ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận: 01 máy phát điện nhãn hiệu IZAWA FUJIKI có giá trị còn lại là 6.750.000 đồng; 01 cuộn dây điện dài 7,5m, nhãn hiệu CU/XLPE/PVC có giá trị còn lại là 7.024.050 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 13.774.050 đồng.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lê Công Đ về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Công Đ từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng.

Về vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bị hại, những người làm chứng trùng khớp với lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Q trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/10/2021 Lê Công Đ đã lợi dụng lúc anh Phạm Văn Th không có mặt ở lán công trường của thủy điện N ở xã T để lén lút trộm cắp của anh Th 01 máy phát điện nhãn hiệu IZAWA FUJIKI trị giá 6.750.000 đồng và 01 cuộn dây điện dài 7,5m nhãn hiệu CU/XLPE/PVC bên trong có 4 lõi nhỏ bằng kim loại màu đồng có giá trị là 7.024.050 đồng với mục đích về để sử dụng. Tổng giá trị tài sản Đ trộm cắp là: 13.774.050 đồng. Do vậy hành vi trên của bị cáo Đ đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm hại đến trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích của cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Song bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mục đích lấy trộm tài sản về để sử dụng nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cụ thể, ở địa phương bị cáo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, chấp hành tốt theo giấy báo, giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố

tụng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Đối với việc làm của anh Vương Tiến H, Lù Tiến Đ, Vương Hữu D là những người được Đ thuê trở tài sản trộm cắp từ lán công trường của thủy điện N ở xã T về nhà Đ ở thôn Th, xã B để cất, bà Nguyễn Thị H là người đã chỉ chỗ cho H và Đ cất tài sản trộm cắp nhưng trong quá trình thỏa thuận, trao đổi các anh H, Đ, D, bà H đều không biết đây là tài sản do Đ trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo nhận thấy việc anh Th bị mất trộm tài sản dẫn đến cản trở gây khó khăn cho việc thi công công trình, vì vậy bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận, bị cáo khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Văn Th số tiền 5.000.000 đồng, anh Th đã nhận đủ số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo cũng đã bồi thường cho anh H số tiền đã chi phí cho việc mua xăng xe và số tiền mà H đã trả tiền công cho Lù Tiến Đ và Vương Hữu D với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, anh H đã nhận đủ số tiền. Tại phiên tòa hôm nay anh H và anh Th và không còn yêu cầu gì khác về phần bồi thường thiệt hại. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 máy phát điện nhãn hiệu IZAWA FUJIKI, màu sơn đỏ; 01 cuộn dây điện dài 7,5m, nhãn hiệu CU/XLPE/PVC, màu đen, đường kính 4,8cm, bên trong có 04 dây nhỏ bằng kim loại màu đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Th, quá trình điều tra cơ quan công an đã trao trả cho bị hại anh Phạm Văn Th, vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, màu sơn đen, mang biển kiểm soát 23L8-1432, là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Th; anh Th cho Đ mượn để đi làm, quá trình điều tra xét thấy chiếc xe máy này không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Công Đ, quá trình điều tra cơ quan công an đã trao trả cho anh Th, vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHON6S, màu xám, màn hình cảm ứng, là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Vương Tiến H, anh H đã dùng để liên lạc với bị cáo Đ trong quá trình thỏa thuận cho thuê máy nổ và dây điện, nhưng anh H không biết là trở thuê tài sản trộm cắp nên xét thấy chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Công Đ, quá trình điều tra cơ quan công an đã trao trả cho anh Huân, vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng, loại điện thoại cảm ứng, đã qua sử dụng, là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Công Đ, là vật để liên lạc hàng ngày của bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án nên cần xem xét trả lại cho bị cáo Định theo định Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Công Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Công Đ 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Công Đ cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Công Đ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Lê Công Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng, loại điện thoại cảm ứng, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 24/01/2022.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Công Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*)

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND B;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Phương